

Số: SCSC26/UBCK/BC/340

Tp.HCM, ngày 16 tháng 06 năm 2026

## BÁO CÁO

### *Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty*

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

#### I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
- Tên viết tắt: SCSC CORP.
- Địa chỉ trụ sở chính: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3997 6930 - Fax: (028) 3997 6840 - Website: <https://www.scsc.vn>
- Vốn điều lệ: 1.020.769.820.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: SCS
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh 2  
Số hiệu tài khoản: 116002870018
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305654014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 10/05/2024
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa) – Mã ngành 5224.
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 41121000112 do Ủy ban Nhân dân TP.HCM cấp lần đầu ngày 20/04/2009.

#### II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
  - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 102.076.982 cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 102.076.982 cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.



4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.020.700 cổ phiếu, tương ứng 1,0% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng như sau:
  - Năm 1 (trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành): Hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phiếu đã phát hành;
  - Năm 2 (trong vòng 12 tháng tiếp theo): Hạn chế chuyển nhượng 50% số cổ phiếu đã phát hành.
6. Giá phát hành (trường hợp bán cổ phiếu cho người lao động): 10.000 đồng/cổ phiếu.
7. Nguồn vốn phát hành (trường hợp phát hành cổ phiếu thường cho người lao động): Không.
8. Ngày kết thúc đợt phát hành: 12/06/2026.
9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong tháng 06 – 07/2026, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“*VSDC*”) và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.

### III. KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 1.020.700 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
2. Số người lao động được phân phối: 165 người.
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 12/06/2026): 103.097.682 cổ phiếu, trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 103.097.682 cổ phiếu;
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

### IV. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Danh sách người lao động tham gia chương trình;
2. Nghị quyết Hội đồng quản trị số SCSC26/HĐQT/NQ/05 ngày 15/06/2026 thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026;
3. Văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành;
4. Tài liệu khác.

**CTCP DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Quốc Khánh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP NĂM 2026**

(Đính kèm Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động  
trong công ty số SCSC26/UBCK/BC/340 ký ngày 16/06/2026)

STT	Họ tên	Chức vụ / Đơn vị công tác	SLCP đã phát hành
<b>A</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		<b>200.000</b>
1	BÙI THỊ THU HƯƠNG	Chủ tịch HĐQT	29.500
2	TẠ THU HÀ	Thành viên HĐQT	24.200
3	MAI XUÂN CẢNH	Thành viên HĐQT	24.200
4	CHU TRUNG KIÊN	Thành viên HĐQT	24.200
5	NGUYỄN NGỌC QUÝ	Thành viên HĐQT	24.200
6	ĐOÀN NGỌC CƯƠNG	Thành viên HĐQT	24.200
7	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	49.500
<b>B</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		<b>40.000</b>
8	VŨ THỊ HOÀNG BẮC	Trưởng ban BKS	16.600
9	KHOA NĂNG LƯU	Thành viên BKS	11.700
10	TRƯƠNG MINH SANG	Thành viên BKS	11.700
<b>C</b>	<b>PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>		<b>97.000</b>
11	TÔ HIỂN PHƯỢNG	Phó Tổng Giám đốc	33.700
12	NGUYỄN THÁI SƠN	Phó Tổng Giám đốc	33.700
13	NGÔ THỊ ANH THƯ	Kế toán trưởng	29.600
<b>D</b>	<b>THƯ KÝ HĐQT VÀ CÁC QUẢN LÝ CẤP PHÒNG / QUẢN LÝ CẤP TRUNG</b>		<b>260.000</b>
14	NGUYỄN HOÀNH HẢI	Trưởng phòng Quản lý thiết bị	25.400
15	PHẠM QUANG HẢI	Trưởng phòng Tổng hợp Thư ký HĐQT	30.300
16	NGUYỄN HUỖNH QUYÊN	Phó phòng Tổng hợp	23.400
17	DƯƠNG DUY MINH	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	25.200
18	HUỖNH HỮU HIỀN	Trưởng phòng Tiếp vận	27.300
19	NGUYỄN DUY CHÂU	Trưởng phòng Kỹ thuật	25.400
20	NGÔ TRỊNH KIẾN KHIÊM	Phó phòng Khai thác	24.900
21	MAI HỮU DUY THỨC	Trưởng phòng Khai thác	29.800
22	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Phó phòng phụ trách An ninh an toàn	23.400
23	NHIÊU TRIỀU NAM	Trưởng phòng Đào tạo & Quy chuẩn/ANAT	24.900
<b>E</b>	<b>CÁC QUẢN LÝ CẤP CƠ SỞ / QUẢN LÝ CẤP ĐƠN VỊ</b>		<b>327.000</b>
24	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Trưởng bộ phận Kế toán tổng hợp	6.400
25	NGUYỄN THỊ HÒA	Trưởng bộ phận Kế toán thuế	6.400
26	NGUYỄN NGỌC KHƯƠNG	Trưởng bộ phận Ga Quốc nội	7.400
27	LÊ UYÊN PHƯƠNG	Trưởng bộ phận thủ tục Hải Quan	7.400
28	HUỖNH VĂN TƯ	Trưởng bộ phận Điện - Điện lạnh	6.400
29	HUỖNH ĐĂNG KHOA	Trưởng bộ phận hàng xuất	7.800
30	PHẠM NGỌC THIÊN	Trưởng bộ phận hàng xuất	7.800
31	NINH ĐỨC THUẬN	Phó bộ phận hàng xuất	5.600
32	NGUYỄN HỮU HIẾU	Trưởng bộ phận hàng nhập	7.300
33	DƯƠNG DUY KIÊN	Phó bộ phận hàng nhập	5.300
34	ĐỖ MINH QUẢNG	Trưởng bộ phận hàng nhập	7.800
35	CHU QUỐC TRUNG	Trưởng bộ phận Ramp	7.800
36	HUỖNH QUANG VINH	Trưởng bộ phận ANAT - kiêm CT Công đoàn	6.600
37	NGUYỄN VĂN DŨNG	Phó bộ phận QLCL	5.900
38	LÊ CHIÊU	Tổ trưởng thủ tục Hải Quan	4.100
39	TRẦN THỊ THU HÀ	Tổ trưởng tổ tài liệu chứng từ	4.300
40	BÙI ĐỨC CƯỜNG	Tổ trưởng tổ hiện trường	4.300

STT	Họ tên	Chức vụ / Đơn vị công tác	SLCP đã phát hành
41	NGUYỄN CHÍ MINH	Tổ trưởng tổ hàng đặc biệt	4.100
42	NGUYỄN THỊ LÀN	Tổ trưởng tổ tài liệu hàng xuất	4.600
43	VŨ SƠN HẢI	Tổ trưởng tổ hiện trường hàng xuất	4.600
44	KHƯƠNG THÚY KIỀU	Tổ trưởng tổ tài liệu hàng nhập và phục vụ khách hàng	4.100
45	ĐỖ TRỌNG HOÀNG	Tổ trưởng tổ hiện trường hàng nhập	4.300
46	TRẦN NGỌC MINH	Tổ trưởng tổ nghiệp vụ sân đỗ (Ramp)	4.600
47	TRẦN THU TRANG	Tổ trưởng tổ thương vụ	4.600
48	TRẦN PHẠM THU NGUYỆT	Tổ phó tổ tài liệu chứng từ	3.800
49	TRẦN HỮU PHƯỚC	Tổ phó tổ tài liệu chứng từ	3.500
50	PHẠM QUANG HUY	Tổ phó tổ hiện trường	4.100
51	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Tổ phó tổ hiện trường	3.800
52	HUỖNH XUÂN VINH	Tổ phó tổ hiện trường	3.800
53	TRƯƠNG NGỌC HIẾU	Tổ phó tổ tài liệu hàng xuất	3.500
54	ĐẶNG THỊ TUYẾT LAN	Tổ phó tổ tài liệu hàng xuất	3.800
55	NGUYỄN THÁI BẢO	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	3.300
56	NGUYỄN VĂN HẢI	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	4.100
57	KPÃ MẠNH HÙNG	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	4.100
58	NGUYỄN DUY NAM	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	4.100
59	TRỊNH QUANG TRƯỜNG	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	3.000
60	ĐOÀN THANH MINH	Tổ phó tổ tài liệu hàng nhập và phục vụ khách hàng	4.100
61	LÊ TRUNG THÀNH	Tổ phó tổ tài liệu hàng nhập và phục vụ khách hàng	3.000
62	NGUYỄN ANH TUẤN	Tổ phó tổ tài liệu hàng nhập và phục vụ khách hàng	3.800
63	LÊ NGỌC HÀ	Tổ phó tổ hiện trường hàng nhập	3.800
64	NGUYỄN HOÀI QUANG	Tổ phó tổ hiện trường hàng nhập	3.800
65	ĐẶNG HÙNG VƯƠNG	Tổ phó tổ hiện trường hàng nhập	3.800
66	ĐẶNG XUÂN HIỆP	Tổ phó tổ nghiệp vụ sân đỗ (Ramp)	4.100
67	NGUYỄN ANH NGỌC	Tổ phó tổ nghiệp vụ sân đỗ (Ramp)	4.100
68	NGUYỄN ĐÔNG QUAN	Tổ phó tổ nghiệp vụ sân đỗ (Ramp)	3.500
69	PHAN DŨNG MINH	Tổ trưởng tổ lái xe	3.000
70	LÊ HOÀNG THIỆN	Tổ trưởng tổ công nhân	3.000
71	TRẦN QUANG VINH	Tổ trưởng tổ lái xe hàng xuất	3.000
72	VÕ VĂN CƯỜNG	Tổ trưởng tổ công nhân hàng xuất	2.800
73	VŨ TRỌNG HIỀN	Tổ trưởng tổ công nhân hàng xuất	2.800
74	LÊ DUY HỢP	Tổ trưởng tổ công nhân hàng xuất	2.800
75	TRẦN ĐỨC MINH	Tổ trưởng tổ lái xe hàng nhập	3.000
76	NGUYỄN THÀNH QUAN	Tổ trưởng tổ công nhân hàng nhập	2.800
77	TRẦN TÈO	Tổ trưởng tổ công nhân hàng nhập	3.000
78	PHAN TẤN TÀI	Tổ trưởng tổ lái xe Ramp	2.300
79	LA QUỐC PHÚ	Tổ trưởng tổ công nhân Ramp	2.800
80	NGUYỄN VĂN HIỀN	Tổ phó tổ lái xe	2.800
81	TIẾT GIÀU	Tổ phó tổ công nhân	2.800
82	NGUYỄN THANH PHONG	Tổ phó tổ công nhân	2.800
83	HOÀNG TRẦN TRỌNG TÍN	Tổ phó tổ lái xe hàng xuất	2.800
84	TRẦN MINH KHA	Tổ trưởng Kế toán tài sản	4.300
85	TRẦN VĂN KHANG	Tổ trưởng kỹ thuật	3.800
86	HUỖNH VŨ QUYÊN	Tổ trưởng tổ hành chính nhân sự	3.800
87	NGUYỄN TRẦN NGHĨA	Tổ trưởng Camera	3.300
88	VÕ MINH TÂM	Tổ trưởng cấp phát thẻ	3.500
89	NGUYỄN ANH TUẤN	Tổ phó An ninh nội bộ	2.800
90	VƯƠNG VĂN MINH	Ca trưởng kỹ thuật	1.200
91	LÊ XUÂN THUẬN	Ca trưởng kỹ thuật	2.000
92	TRƯƠNG VĂN HÒA	Ca trưởng kỹ thuật	2.500

STT	Họ tên	Chức vụ / Đơn vị công tác	SLCP đã phát hành
93	NGUYỄN THANH MỘNG	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
94	TRẦN VĂN PHƯỚC	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
95	NGUYỄN THANH SƠN	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
96	NGUYỄN VŨ MINH THIỆN	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
97	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
98	NGUYỄN MINH XONG	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
99	BÙI ĐĂNG HỒNG	Ca trưởng Camera	2.300
100	LÊ MINH HUY	Ca trưởng An ninh nội bộ	1.700
101	HOÀNG VĂN MINH	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.000
102	LÂM HÙNG NHỰT	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.300
103	VŨ PHÚC	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.000
104	NGUYỄN XUÂN TÙNG	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.500
105	TRẦN ĐỨC TÂM	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.500
106	TRẦN HOÀNG ANH TÚ	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.300
107	VƯƠNG ĐÌNH CƯỜNG	Nhóm trưởng hạ tầng Công nghệ thông tin	3.000
108	NGUYỄN VŨ VIỆT NAM	Nhóm trưởng hệ thống Hermes	3.300
<b>F</b>	<b>NHÂN VIÊN XUẤT SẮC, TIỀM NĂNG</b>		<b>96.700</b>
109	TRẦN THỊ THU HIỀN	Phòng Kế toán	1.400
110	LÊ THỊ NGỌC YẾN	Phòng Kế toán	1.900
111	ĐẶNG THỊ THU HÀ	Phòng Tổng hợp	1.400
112	NGUYỄN HOÀNG LỘC	Phòng Công nghệ thông tin	1.400
113	NGUYỄN XUÂN TUẤN ANH	Phòng Đào tạo & Quy chuẩn/ANAT	1.400
114	PHẠM THỊ TRÀ MY	Phòng Tiếp vận	1.400
115	NGUYỄN KIM LOAN	Phòng Tiếp vận	1.400
116	HỒNG ĐÌNH DUY	Phòng Tiếp vận	1.400
117	TRẦN ANH HOÀNG	Phòng Tiếp vận	1.400
118	DƯƠNG TRẦN ĐẠI LONG	Phòng Tiếp vận	1.400
119	LÊ MINH PHÁT	Phòng Tiếp vận	1.900
120	NGUYỄN TẤN PHÁT	Phòng Tiếp vận	1.100
121	PHẠM THANH HOÀNG	Phòng Tiếp vận	1.400
122	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Phòng Tiếp vận	1.100
123	NGUYỄN HOÀI TRUNG	Phòng Tiếp vận	1.400
124	TRIỆU NGUYỄN VIỆT BÌNH	Phòng Tiếp vận	1.400
125	NGUYỄN PHƯỚC QUANG	Phòng Tiếp vận	1.400
126	NGUYỄN ĐỨC HẬU	Phòng Tiếp vận	1.900
127	NGUYỄN THẾ VŨ	Phòng Tiếp vận	1.400
128	TRẦN HỮU THẮNG	Phòng Tiếp vận	1.400
129	NGUYỄN PHƯỚC HUÂN PHONG	Phòng Tiếp vận	1.900
130	HUỲNH TRƯƠNG PHI HẢO	Phòng Tiếp vận	1.400
131	TRẦN VĂN NHỰT	Phòng Tiếp vận	1.900
132	PHẠM ANH THỊ	Phòng Tiếp vận	1.900
133	ĐẶNG BÙI NGỌC THÚY	Phòng Khai thác	1.400
134	VŨ THỊ THU HƯƠNG	Phòng Khai thác	1.400
135	NGUYỄN TRUNG ANH	Phòng Khai thác	1.100
136	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	Phòng Khai thác	1.100
137	LÊ MINH PHÁT	Phòng Khai thác	1.600
138	NGÔ THANH TRUNG	Phòng Khai thác	1.600
139	NGUYỄN HOÀNG LONG	Phòng Khai thác	1.100
140	NGUYỄN VĂN CẢNH	Phòng Khai thác	2.500
141	LÊ MINH HÀ	Phòng Khai thác	2.100
142	NGUYỄN THANH THUẬN	Phòng Khai thác	1.100
143	PHẠM VĂN CÔNG	Phòng Khai thác	1.900

STT	Họ tên	Chức vụ / Đơn vị công tác	SLCP đã phát hành
144	HỒ XUÂN MINH NGUYỄN	Phòng Khai thác	2.300
145	NGUYỄN XUÂN LAM	Phòng Khai thác	1.400
146	PHẠM TRƯỜNG DUY KHOA	Phòng Khai thác	2.300
147	NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG	Phòng Khai thác	2.300
148	MAI THỊ CẨM LIÊN	Phòng Khai thác	1.400
149	VÕ THỤY ANH THU	Phòng Khai thác	1.900
150	NGUYỄN VĂN CÔNG	Phòng Quản lý thiết bị	2.300
151	UÔNG THỊ HỒNG MINH	Phòng Tổng hợp	1.900
152	HUYỀN TÚ	Phòng Tiếp vận	1.400
153	NGUYỄN MINH HÙNG	Phòng Tiếp vận	1.900
154	NGUYỄN VĂN THỊNH	Phòng Khai thác	2.300
155	HUỲNH THỊ NGỌC NGHĨA	Phòng Khai thác	1.900
156	HỒ ANH TUẤN	Phòng Khai thác	1.400
157	NGUYỄN QUỐC LÂM	Phòng Khai thác	1.900
158	VĂN PHẠM QUỐC TRÍ	Phòng Khai thác	2.300
159	ĐẶNG THANH HÀ	Phòng Khai thác	2.300
160	ĐÀO TÚ	Phòng Khai thác	2.300
161	NGUYỄN TRUNG NAM	Phòng Khai thác	1.900
162	LÊ NGỌC THỊNH	Phòng Khai thác	1.900
163	NGUYỄN THÔNG XUÂN NGUYỄN	Phòng Khai thác	2.300
164	CAO VĂN TRƯỜNG	Phòng Khai thác	1.900
165	LÝ HỒNG THANH CHƯƠNG	Phòng Khai thác	2.300
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.020.700</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN  
TỔNG GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Quốc Khánh*



Số: SCSC26/UBCK/CBTT/341

Tp.HCM, ngày 16 tháng 06 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU  
CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT ĐANG LƯU HÀNH**

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**
- Mã chứng khoán: SCS
- Địa chỉ trụ sở chính: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3997 6930 - Fax: (028) 3997 6840 - Website: <https://www.scsc.vn>

Stt	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
1	Vốn điều lệ (VNĐ)	1.020.769.820.000	10.207.000.000	1.030.976.820.000	
2	Tổng số cổ phiếu	102.076.982	1.020.700	103.097.682	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	0	0	0	
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	94.886.982	1.020.700	95.907.682	
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi/ khác	7.190.000	0	7.190.000	

Ghi chú: (\*) lý do thay đổi nêu tại nội dung (1), (2) và (4)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**CTCP DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Tổng Giám đốc**  
  
**Nguyễn Quốc Khánh**